UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TRƯỜNG TH HỒ TÙNG MẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128/QĐ-THHTM

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước Quý II năm 2025 của trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ TÙNG MẬU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc quý II năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước quý II năm 2025 của trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.Các Ông, bà: Phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn.Trưởng các tổ, bộ phận chuyên môn; phụ trách kế toán thực hiện Quyết đinh này./.

Nơi nhận:
- Nhưđiều 3
- Lưu: VT,...

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ TÙNG MẬU

Đinh Thị Thuỷ

Scanned with CamScanner

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu

Mã ĐVQHNS: 1037783

Mã cấp NS: 3

Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	436.291.000	221.799.000	639.621.000	639.621.000	152.626.656	197.084.454	0	0	0	442.536.546
13	072	00000	0	6.083.310.000	32.335.000	6.083.310.000	6.083.310.000	1.600.613.882	2.911.651.159	0	0	0	3.171.658.841
18	072	00000	0	272.544.000	12.690.000	285.234.000	285.234.000	0	0	0	0	0	285.234.000
Cộng:			0	6.792.145.000	266.824.000	7.008.165.000	7.008.165.000	1.753.240.538	3.108.735.613	0	0	0	3.899.429.387
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán | **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Thu

Người ký: Nguyễn Thị Thu Thủy
Ngày ký: 30-06-2025 13:54:49
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng | **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thị Thơi Hằng
Ngày ký: 30-06-2025 10:42:21
Đơn vị: Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu

Người ký: Đinh Thị Thơi
Ngày ký: 30-06-2025 10:46:13
Đơn vị: Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu

Scanned with CamScanner

Nguyễn Thị Thu Thủy

Phạm Thị Thuý Hằng

Đinh Thị Thủy

Scanned with CamScanner

Người ký: Nguyễn Thị Thu Thủy
Ngày ký: 30/06/2025 13:54:49
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu

Mã ĐVQHNS: 1037783

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	072	6112	00000	0	0	98.826.656	122.284.454	98.826.656	122.284.454
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
Thuê lao động trong nước	12	072	6757	00000	0	0	24.500.000	38.500.000	24.500.000	38.500.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	12	072	6758	00000	0	0	8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	072	6912	00000	0	0	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
Chi khác	12	072	7049	00000	0	0	4.000.000	11.000.000	4.000.000	11.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	680.683.132	1.360.689.259	680.683.132	1.360.689.259
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	10.951.200	10.951.200	10.951.200	10.951.200
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	10.179.000	20.358.000	10.179.000	20.358.000
Phụ cấp khu vực	13	072	6102	00000	0	0	18.720.000	36.972.000	18.720.000	36.972.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	1.404.000	2.808.000	1.404.000	2.808.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	232.521.120	463.928.400	232.521.120	463.928.400
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	702.000	1.404.000	702.000	1.404.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	119.691.000	235.464.840	119.691.000	235.464.840
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị	13	072	6254	00000	0	0	25.810.000	25.810.000	25.810.000	25.810.000
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	60.950.000	99.950.000	60.950.000	99.950.000

Scanned with CamScanner

Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	144.659.964	286.087.299	144.659.964	286.087.299
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	24.798.851	49.043.537	24.798.851	49.043.537
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	10.822.218	26.985.342	10.822.218	26.985.342
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	8.266.284	16.347.846	8.266.284	16.347.846
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	9.594.000	11.770.200	9.594.000	11.770.200
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	0	5.201.250	0	5.201.250
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	1.119.250	2.802.802	1.119.250	2.802.802
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	4.680.000	4.680.000	4.680.000	4.680.000
Chi khác	13	072	6549	00000	0	0	19.830.000	19.830.000	19.830.000	19.830.000
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	11.994.720	11.994.720	11.994.720	11.994.720
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	6.310.000	6.310.000	6.310.000	6.310.000
Khoán văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	4.400.000	4.400.000	4.400.000	4.400.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	1.784.355	2.969.676	1.784.355	2.969.676
Tuyên truyền, quảng cáo	13	072	6606	00000	0	0	2.266.704	2.266.704	2.266.704	2.266.704
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	2.388.300	2.388.300	2.388.300	2.388.300
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	500.000	550.000	500.000	550.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	850.000	950.000	850.000	950.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	1.050.000	1.050.000	1.050.000	1.050.000
Khoán công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	28.000.000	42.000.000	28.000.000	42.000.000
Chi phí thuê mướn khác	13	072	6799	00000	0	0	33.800.000	33.800.000	33.800.000	33.800.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	072	6913	00000	0	0	10.110.000	10.110.000	10.110.000	10.110.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000	0	0	21.447.000	21.447.000	21.447.000	21.447.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	7.795.680	7.795.680	7.795.680	7.795.680
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000	0	0	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	22.856.104	22.856.104	22.856.104	22.856.104
Chi tiếp khách	13	072	7761	00000	0	0	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000

Scanned with CamScanner

Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	51.929.000	51.929.000	51.929.000	51.929.000
				Cộng:	0	0	1.753.240.538	3.108.735.613	1.753.240.538	3.108.735.613
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Thu

Người ký: Nguyễn Thị Thu Thủy
Ngày ký: 30/06/2025 13:54:49
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

Nguyễn Thị Thu Thủy

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thị Thuý Hằng
Ngày ký: 30/06/2025 10:42:21
Đơn vị: Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu

Phạm Thị Thuý Hằng

Người ký: Đinh Thị Thủy
Ngày ký: 30/06/2025 10:46:13
Đơn vị: Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu

Đinh Thị Thủy

Scanned with CamScanner

UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TRƯỜNG TH HỒ TÙNG MẬU

Số: 197/TB - THHTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc thành lập đơn vị sử dụng ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDĐT ngày 26/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Phả về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường TH Hồ Tùng Mậu thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán hết quý II năm 2025 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm (bao gồm cả bổ sung)	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Lệ phí**				
2	**Học phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**				
2	**Chi quản lý hành chính**				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**7.008.165.000**	**1.753.240.538**		
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**7.008.165.000**	**1.753.240.538**		
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề**	**7.008.165.000**	**1.753.240.538**		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên năm trước chuyển sang	-	-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.083.310.000	1.600.613.882	26,31%	67,20%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	639.621.000	152.626.656	23,86%	29,17%
2.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (18)	285.234.000	-		
3	**Chương trình mục tiêu**				

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Dự toán năm (bao gồm cả bổ sung)	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
3.1	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới				
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025				
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/ NQ-HĐND ngày 07/12/2020)				
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)				

Nơi nhận:
- CB, GV, NV nhà trường
- Trang TTĐT, bảng tin trường THHTM
- Lưu: VT.

Thủ trưởng đơn vị

Đinh Thị Thuỷ

Scanned with CamScanner

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH Hồ Tùng Mậu
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc thành lập đơn vị sử dụng ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDĐT ngày 26/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Phả về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường TH Hồ Tùng Mậu công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm (bao gồm cả bổ sung)	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Lệ phí**				
2	**Học phí**	-			
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**				
2	**Chi quản lý hành chính**				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**7.008.165.000**	**1.753.240.538**		
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**7.008.165.000**	**1.753.240.538**		
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề**	**7.008.165.000**	**1.753.240.538**		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên năm trước chuyển sang		-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.083.310.000	1.600.613.882	26,31%	67,20%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	639.621.000	152.626.656	23,86%	29,17%
2.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (18)	285.234.000	-		
3	**Chương trình mục tiêu**				

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Dự toán năm (bao gồm cả bổ sung)	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
3.1	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới				
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025				
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/ NQ-HĐND ngày 07/12/2020)				
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)				

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Đinh Thị Thuỷ

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025

(Kèm theo công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc thành lập đơn vị sử dụng ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDĐT ngày 26/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Phả về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường TH Hồ Tùng Mậu công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu học phí: Không có

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

Dự toán giao: 7.008.165.000 đồng

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đến hết quý II năm 2025 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Tình hình giải ngân	Cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Học phí	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1	Chi sự nghiệp			
2	Chi quản lý hành chính			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.008.165.000	1.753.240.538	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.008.165.000	1.753.240.538	
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề	7.008.165.000	1.753.240.538	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên năm trước chuyển sang		-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.083.310.000	1.600.613.882	67,20%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	639.621.000	152.626.656	29,17%
2.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (18)	285.234.000	-	

Scanned with CamScanner

3	**Chương trình mục tiêu**			
3.1	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới			
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025			
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/ NQ-HĐND ngày 07/12/2020)			
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)			

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Đinh Thị Thuỷ

Scanned with CamScanner